

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HS-ST

Ngày: 20 - 03 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt H1;

Ông Phạm Văn Lịch.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đình - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H1, sinh năm 1991; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm NM, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị M, sinh năm 1963; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là thứ ba, vợ con: Chưa có, Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

2. Nguyễn Đức T1, sinh năm 1981; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm NM, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1954 và bà Trần Thị N, sinh năm 1957; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là thứ ba; có vợ là Phạm Thị T, sinh năm 1987 và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. Phạm Biên C, sinh năm 1992; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm XC, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12;

giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hùng C, sinh năm 1963 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1964; chị em ruột có 02 người, bị cáo là thứ hai; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1999, bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

4. Phạm Văn M, sinh năm 1989; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm NM, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị M, sinh năm 1963; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là thứ hai; có vợ là Phạm Thị T, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

5. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm NM, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là thứ ba; có vợ là Vũ Thị M, sinh năm 1994 và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

6. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1977; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm NM, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết Đ, sinh năm 1944 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1947; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là thứ hai; có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1981 và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

7. Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1993; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm NM, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là thứ hai; có vợ là Vũ Thị Ngọc A, sinh năm 1999 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

8. Phạm Văn T3, sinh năm 1978; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm NM, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Lê Thị Y, sinh năm 1950 (đã chết); anh em ruột có 03 người, bị cáo là thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị O, sinh năm 1979 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ

từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

9. Đỗ Dương L, sinh năm 1993; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm XQ, xã HT, huyện H tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; anh em ruột có 02 người, bị cáo là thứ hai; có vợ là Đỗ Thị H, sinh năm 1996 và 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

10. Đỗ Văn H2, sinh năm 1972; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm XQ, xã HT, huyện H tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân B, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1940; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là thứ năm; có vợ là Phạm Thị T, sinh năm 1972 và 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến*: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1963. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ, ngày 21/11/2022, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Đức T1, Phạm Văn T3, Nguyễn Văn T2, Phạm Văn H1, Phạm Văn M, Đỗ Văn H2, Đỗ Dương L và Phạm Biên C đến nhà anh Đỗ Văn V, sinh năm 1993 ở xóm NM, xã HT, huyện H ăn cỗ tại đám tang bố anh V. Khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi ăn xong H1, C và Nguyễn Đức T1 sang nhà anh Phạm Văn T ở cùng xóm uống nước. Quá trình uống nước, H1 nảy sinh ý định đánh bạc nên rủ C và Nguyễn Đức T1 sang xưởng gỗ của anh Phạm Văn T để đánh bạc thì cả hai đồng ý. H1 hỏi Nguyễn Đức T1 “Có bài chưa”, T nói “Chưa”, sau đó Nguyễn Đức T1 đi mua 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân rồi cùng H1, C đến xưởng gỗ của anh Phạm Văn T để đánh bạc. Lúc này, Phạm Văn M đang ở trong xưởng xem gỗ, thấy các đối tượng đến đánh bạc nên vào tham gia cùng H1, C và Nguyễn Đức T1 đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” ăn tiền. Sau đó, lần lượt có Q, T2, Đ, L và T3, H2 đến tham gia đánh bạc cùng. Cách chơi như sau: Mỗi người chơi góp 100.000 đồng vào giữa chiếu bạc gọi là góp “Gà”. Sau khi góp gà xong mỗi người sẽ được chia cho 3 lá bài, chia xong bài thì mọi người lên bài và tổ lần lượt theo vòng tròn ngược kim đồng hồ, mức “Tổ” từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng, ai không tổ thì úp bài vào lọ để chờ đánh ván sau. Khi đặt tiền tổ xong thì so bài, bài của người nào cao nhất sẽ thắng và hưởng toàn bộ số tiền góp gà lúc đầu, tiền của những người tham gia tổ. Điểm bài liêng được tính theo thứ tự bài cao nhất là bài sấp -

bài liêng - bài ảnh - bài điểm. Bài sấp là bài có 3 lá giống nhau nhưng khác về chất nếu hai người cùng có sấp thì người nào có sấp cao hơn người đó sẽ thắng tính từ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A; bài liêng là bộ ba quân bài liên tiếp, bài liêng thấp nhất là bộ ba quân A, 2, 3 và cao nhất là bộ 3 quân Q, K, A; bài ảnh là bài có 3 lá bài hình người không theo thứ tự; cuối cùng là bài tính điểm, khi tính điểm thì lấy 3 quân bài cộng lại với nhau rồi lấy phần dư thì đó sẽ là điểm của bài. Điểm cao nhất là 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm. Điểm của các quân bài được tính với các số điểm tương ứng trên lá bài, quân bài A tính là 1 điểm, quân bài 10, J, Q, K tính là 0 điểm. Khi những người chơi có cùng bài liêng, bài ảnh, bài điểm thì sẽ so sánh chất bài theo thứ tự Cơ - Rô - Tép - Bích. Đến 13 giờ 20 phút cùng ngày, khi H1, C, M, Q, T2, Đ, L, T3, H2 và Nguyễn Đức T1 đang sát phạt nhau thì bị Công an huyện Hải Hậu phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.880.000 đồng, 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân và thu giữ của Nguyễn Văn T2 số tiền 200.000 đồng dùng vào việc đánh bạc.

Cáo trạng số 12/CT-VKSHH ngày 03/02/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C, Phạm Văn M, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ, Đỗ Dương L, Phạm Văn T3 và Đỗ Văn H2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C, Phạm Văn M, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ, Đỗ Dương L, Phạm Văn T3 và Đỗ Văn H2 phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Phạm Văn H1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, tính từ ngày 20/3/2023.

Xử phạt Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C và Nguyễn Văn Q; mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày 20/3/2023.

Giao các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C và Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm Văn M, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ và Đỗ Dương L; mỗi bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng Cải tạo không giam giữ; được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022. Giao các bị cáo cho UBND xã HT giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền Phạm Văn T3 và Đỗ Văn H2, mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C, Phạm Văn M, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ, Đỗ Dương L đều làm công việc tự do, hoàn cảnh kinh tế khó khăn; còn các bị cáo Phạm Văn T3 và Đỗ Văn H2 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 7.080.000 đồng; tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa và lời nói sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận đã phạm tội, không tranh luận gì và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng từ 12 giờ đến 13 giờ 20 phút ngày 21/11/2022 tại xưởng gỗ của anh Phạm Văn T ở xóm NM, xã HT, huyện H, các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C, Phạm Văn M, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ, Đỗ Dương L, Phạm Văn T3 và Đỗ Văn H2 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” ăn tiền thì bị Công an huyện Hải Hậu phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tổng số tiền 7.080.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Khoản 1 Điều 321. Tội đánh bạc tại Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới

5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được đánh bạc là tệ nạn xã hội, có tác động tiêu cực đến từng cá nhân, gia đình và xã hội nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn cố tình vi phạm. Do đó các bị cáo phải bị xử lý nghiêm khắc để răn đe, nhằm giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm. Các bị cáo đều trực tiếp thực hiện tội phạm. Trong đó Phạm Văn H1 là người khởi xướng, rủ rê Phạm Biên C và Nguyễn Đức T1, trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt nên có vai trò đầu. Khi bị rủ rê, Nguyễn Đức T1 đi mua bài và trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu nên có vai trò thứ hai. Phạm Biên C, Phạm Văn M, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ, Đỗ Dương L trực tiếp tham gia đánh bạc như nhau nên có vai trò số 3. Phạm Văn T3 và Đỗ Văn H2 vào tham gia chơi sau cùng so với các bị cáo khác nên có vai trò thứ yếu trong vụ án.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáo Nguyễn Đức T1 có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Nhì, Huân chương kháng chiến hạng Ba; Nguyễn Văn T2 có bố đẻ là người có công với nước được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Nhất, Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Phạm Văn T3 có mẹ đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Đỗ Văn H2 có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất nên các bị cáo T1, T2, T3, H2 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng; đều chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có ý thức sửa chữa lỗi lầm được chính quyền địa phương xác nhận nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi cộng đồng xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C và Nguyễn Văn Q theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự; áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Phạm Văn M, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ và Đỗ Dương L theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự và áp dụng hình phạt tiền đối với Phạm Văn T3, Đỗ Văn H2 theo quy định tại

Điều 35 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, xét các bị cáo Phạm Văn M, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ, Đỗ Dương L đều làm tự do, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[7] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C, Nguyễn Văn Q, Phạm Văn M, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ và Đỗ Dương L đều là lao động tự do, hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đối với các bị cáo Phạm Văn T3 và Đỗ Văn H2 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nữa.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo tổng số tiền 7.080.000 đồng dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu cho tiêu hủy.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ của Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus; Nguyễn Xuân Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo 5; Nguyễn Văn T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Rom; Phạm Văn H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus; Phạm Văn M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo; Đỗ Văn H2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200; Đỗ Dương L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus; Phạm Biên C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus. Xét các tài sản trên không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo nên không xem xét điều chỉnh.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Đối với anh Phạm Văn T để cho các bị cáo sử dụng xưởng gỗ nhà mình để đánh bạc nhưng anh T không biết mà do các bị cáo tự ý sử dụng nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C, Phạm Văn M, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ, Đỗ Dương L, Phạm Văn T3 và Đỗ Văn H2 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C và Nguyễn Văn Q. Thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Đức T1.

2.1. Xử phạt Phạm Văn H1 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày 20/3/2023. (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022).

2.2. Xử phạt Nguyễn Đức T1 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày 20/3/2023. (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022).

2.3. Xử phạt Phạm Biên C 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày 20/3/2023 (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022).

2.4. Xử phạt Nguyễn Văn Q 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày 20/3/2023. (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022).

2.5. Giao các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C và Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn M, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ và Đỗ Dương L. Thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn T2.

3.1. Xử phạt Phạm Văn M 15 (Mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 là 09 ngày bằng 27 ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày Cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

3.2. Xử phạt Nguyễn Xuân Đ 15 (Mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 là 09 ngày bằng 27 ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày Cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

3.3. Xử phạt Đỗ Dương L 15 (Mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 là 09 ngày bằng 27 ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 (Mười

bốn) tháng 03 (Ba) ngày Cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

3.4. Xử phạt Nguyễn Văn T2 12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 là 09 ngày bằng 27 ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 03 (Ba) ngày Cải tạo không giam giữ. Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

3.5. Giao các bị cáo Phạm Văn M, Nguyễn Xuân Đ, Đỗ Dương L và Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hải Thanh trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Phạm Văn M, Nguyễn Xuân Đ, Đỗ Dương L và Nguyễn Văn T2.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn T3 và Đỗ Văn H2.

Phạt tiền Phạm Văn T3 và Đỗ Văn H2, mỗi bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

5. Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định áp dụng đối với các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C, Phạm Văn M, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ, Đỗ Dương L, Phạm Văn T3 và Đỗ Văn H2 theo các lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32 cùng ngày 09 tháng 02 năm 2023.

6. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 7.080.000đ (Bảy triệu không trăm tám mươi nghìn đồng); tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

(Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao vật chứng ngày 22/02/2023 và Biên lai thu tiền số 0002731 ngày 22/02/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

7. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Đức T1, Phạm Biên C, Phạm Văn M, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Xuân Đ, Đỗ Dương L, Phạm Văn T3 và

Đỗ Văn H2; mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Công an huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã HT;
- Các bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên